

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy thép xanh Xuân Thiện Nghĩa Hưng” tại xã Nghĩa Hải, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 55/2023-CV-XTNH ngày 27 tháng 5 năm 2023 và Văn bản số 34/2023/VB-XTNH ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Công ty Cổ phần Xuân Thiện Nghĩa Hưng về việc đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy thép xanh Xuân Thiện Nghĩa Hưng” tại xã Nghĩa Hải, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy thép xanh Xuân Thiện Nghĩa Hưng” tại xã Nghĩa Hải, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Xuân Thiện Nghĩa Hưng (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Công ty Cổ phần Xuân Thiện Nghĩa Hưng;
- UBND tỉnh Nam Định;
- Sở TN&MT tỉnh Nam Định;
- Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường;
- Lưu: VT, VPMC, MT (Ch).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Võ Tuấn Nhân

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “NHÀ MÁY THÉP XANH XUÂN THIỆN NGHĨA HUNG”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Nhà máy thép Xanh Xuân Thiện Nghĩa Hưng.
- Địa điểm thực hiện: Xã Nghĩa Hải, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Xuân Thiện Nghĩa Hưng.
- Địa chỉ liên hệ: Xóm 8, xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

1.2. Phạm vi, quy mô của Dự án:

1.2.1. Phạm vi của Dự án:

- Dự án Nhà máy thép Xanh Xuân Thiện Nghĩa Hưng thực hiện trên diện tích khu đất khoảng 83,93 ha tại xã Nghĩa Hải, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.
- Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm hoạt động khai thác vật liệu san lấp và hoạt động sản xuất bê tông xây dựng.

1.2.2. Quy mô công suất của Dự án:

Dự án có công suất 2 triệu tấn/năm gồm: sản xuất thép thanh với công suất 1.000.000 tấn/năm và thép dây với công suất 1.000.000 tấn/năm.

1.3. Công nghệ sản xuất:

Quy trình luyện cán thép: Thép phế liệu, gang thỏi → Tuyển, cắt, phân loại và phối liệu → Nạp thép phế liệu → Lò điện hồ quang → Lò tinh luyện LF → Lò khử khí chân không → Đúc liên tục → Gia nhiệt phối → Cán thép cụ thể như sau:

- Quy trình sản xuất thép thanh: Phối thép → Gia nhiệt bằng lò cảm ứng (nếu được yêu cầu) → Gia cán thô 1 → Máy cắt 1 → Gia cán thô 2 → Máy cắt 2 → Gia cán trung → Nhánh A (Cụm Block thành phẩm 6 giá → Hộp tôi), Nhánh B (Cụm Block thành phẩm 6 giá → Hộp tôi), Nhánh C (Hộp tôi) → Máy cắt phân đoạn → Sàn nguội → Cắt nguội phân đoạn → Kiểm tra → Đóng bó → Cán và dán nhãn → Nhập kho sản phẩm.

- Quy trình sản xuất thép dây: Phối thép nguội/nóng → Lò nung → Cán thô 4 giá → Chuyển làn kiểu bản lẻ → Máy cắt 1 → Cán thô 4 giá → Máy cắt 2 → Cán trung 4 giá → Lăn hai dòng → Máy cắt 3 → Máy cắt 4 → Cụm gia công tinh → Cụm gia công tinh chỉnh → Máy đặt đầu tạo → Sàn nguội và làm mát → Hồ gom → Đóng bó nằm → Đóng nhãn → Nhập kho sản phẩm.

- Nguyên liệu sản xuất: Thép phế liệu, sắt xộp, gang thổi, sản phẩm chứa sắt được thu mua trong nước và nhập khẩu, trong đó:

+ Mã phế liệu nhập khẩu: HS 7204-49-00 theo Quyết định số 13/2023/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

+ Dự kiến nhập khẩu thép phế liệu không quá 80% (khoảng 1.556.708 tấn/năm) và thu mua trong nước không nhỏ hơn 20% (khoảng 389.177 tấn/năm).

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án:

1.4.1. Các hạng mục, công trình của Dự án:

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)
A	Các hạng mục xây dựng	187.107,00
1	Nhà kho	800,00
1.1	<i>Kho chứa xỉ</i>	<i>500,00</i>
1.2	<i>Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt</i>	<i>105,00</i>
1.3	<i>Kho chứa chất thải rắn công nghiệp</i>	<i>105,00</i>
1.4	<i>Kho chứa chất thải rắn nguy hại</i>	<i>105,00</i>
2	Kho chứa Ferro	2.200,00
3	Bãi đỗ xe chờ	26.456,00
4	Xưởng luyện	40.225,00
4.1	<i>Khu luyện</i>	<i>29.225,00</i>
4.2	<i>Khu cấp liệu (chứa thép phế)</i>	<i>11.000,00</i>
4A	<i>Khu EAF 1</i>	<i>657,00</i>
4B	<i>Khu EAF 2</i>	<i>669,00</i>
5	Nhà bao che hệ thống lọc bụi	1.046,00
	<i>Ống khói</i>	
	<i>Nhà lọc bụi</i>	
6	Khu vực xử lý nước và trạm khí nén	6.616,00
7	Dây chuyền đúc cán thép thanh	66.443,00
8	Dây chuyền đúc cán thép dây	
9	Nhà ăn công nhân	1.344,00
9.1	<i>Nhà ăn 1</i>	<i>672,00</i>
9.2	<i>Nhà ăn 2</i>	<i>672,00</i>
10	Kho tổng hợp	2.575,00
11	Bãi chứa thành phẩm	25.190,00
12	Sân thể thao	6.044,00
13	Khu văn phòng và nhà điều hành	1.530,00
13.1	<i>Văn phòng điều hành 1</i>	<i>765,00</i>

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)
13.2	Văn phòng điều hành 2	765,00
14	Trạm điện	3.854,00
14.1 - 14.4	Trạm điện 1-4	580,00
14.2 - 14.5	Trạm điện 2-5	487,00
14.3 - 14.6	Trạm điện 3-6	861,00
15	Bể nước phòng cháy chữa cháy (PCCC)-trạm bơm	712,00
16	Khu vực xử lý nước thải sinh hoạt	120,00
17	Trạm cấp khí	1.518,00
B	Diện tích mặt nước	300.440,00
C	Đất giao thông, sân bãi và cây xanh	353.853,00
Tổng		839.366,00

- Các dây chuyền sản xuất chính:

+ 02 lò hồ quang (EAF), công suất 100 tấn/mẻ/lò (gọi là lò hồ quang số 1 và lò hồ quang số 2); thời gian thực hiện 1 mẻ khoảng 40 phút.

+ 02 lò tinh luyện (LF), công suất 100 tấn/mẻ/lò. (gọi là lò tinh luyện số 1 và lò tinh luyện số 2); thời gian thực hiện 1 mẻ khoảng 40 phút.

+ 01 lò khử khí chân không (VD), công suất 100 tấn/mẻ; thời gian thực hiện 1 mẻ khoảng 40 phút.

+ 02 máy đúc phôi (vuông + bát giác), công suất 150 tấn/giờ/máy (gọi là máy đúc phôi số 1 và máy đúc phôi số 2).

+ 02 dây chuyền cán thép tổng công suất 2 triệu tấn/năm (dây chuyền cán thép số 1 và dây chuyền cán thép số 2) kèm theo 01 lò nung phôi RHF công suất 170 tấn/giờ.

- Hạng mục, công trình phụ trợ: Kho lưu giữ phế liệu, diện tích khoảng 11.000 m²; khu vực xử lý nước làm mát và trạm khí nén, diện tích khoảng 6.616 m²; khu vực xử lý nước thải sinh hoạt, diện tích 120 m²; trạm điện, diện tích khoảng 580 m²; hệ thống cấp điện; hệ thống cấp nước; hệ thống thông tin liên lạc và các hạng mục khác.

- Các hạng mục, công trình bảo vệ môi trường:

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)
1	Kho chứa xỉ	500,00
2	Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt	105,00
3	Kho chứa chất thải rắn công nghiệp	105,00
4	Kho chứa chất thải rắn nguy hại	105,00

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)
5	Nhà bao che hệ thống lọc bụi	1.046,00
	<i>Hai hệ thống xử lý khí thải 1.000.000 m³/giờ/hệ thống</i>	
	<i>Ống khói</i>	
	<i>Nhà lọc bụi</i>	
6	Khu vực xử lý, tuần hoàn nước làm mát công suất 10.250 m ³ /giờ/hệ thống	6.616,00
7	Khu vực xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 110 m ³ /ngày đêm	120,00

1.4.2. Các hoạt động của Dự án:

Xây dựng, lắp đặt thiết bị và hoạt động vận hành sản xuất của lò luyện và các hoạt động của các công trình phụ trợ, các công trình bảo vệ môi trường của Dự án.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường:

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị:

Hoạt động thi công các hạng mục công trình xây dựng, hoạt động của phương tiện vận chuyển máy móc, thiết bị và hoạt động lắp đặt máy móc thiết bị phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, nước thải sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

2.1. Giai đoạn vận hành:

Các hạng mục, công trình chính và hoạt động có khả năng tác động xấu đến môi trường gồm: xưởng luyện, các dây chuyền cán thép, kho chứa nguyên vật liệu, sản phẩm và hoạt động của các công trình bảo vệ môi trường của Dự án phát sinh bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung tác động tới môi trường khu vực thực hiện Dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong các giai đoạn thực hiện Dự án:

3.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

3.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 45 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: TSS, BOD₅, Amoni, coliform.

- Nước thải từ quá trình rửa nguyên liệu, dưỡng bê tông, vệ sinh máy móc, phát sinh khoảng 49,5 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: TSS, dầu mỡ khoáng.

- Nước mưa chảy tràn lưu lượng khoảng 165 m³/giờ. Thông số ô nhiễm đặc trưng là TSS.

3.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 75 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: TSS, BOD₅, Amoni, coliform.

- Nước làm mát máy móc thiết bị của Dự án phát sinh khoảng 20.500 m³/giờ gồm: nước làm mát các thiết bị của hệ thống nạp liệu, lò hồ quang, lò tinh luyện, hệ thống đúc, dây chuyền cán. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm TSS, dầu mỡ khoáng.

- Nước mưa chảy tràn với lưu lượng khoảng 107 m³/giờ. Thông số ô nhiễm đặc trưng là TSS.

3.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

3.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị:

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của máy móc thi công và hoạt động san gạt mặt bằng, xây dựng, lắp đặt thiết bị. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: bụi, SO₂, NO_x, CO, CO₂, VOCs.

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của phương tiện vận chuyển. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: bụi, NO_x, SO₂, CO, HC.

3.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận tải nguyên vật liệu và sản phẩm sử dụng nhiên liệu xăng và dầu diezen. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: bụi, SO₂, NO_x, CO, CO₂, VOCs.

- Bụi phát sinh từ công đoạn phân loại phế liệu từ kho chứa phế liệu: Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi.

- Bụi, khí thải phát sinh từ cụm lò hồ quang số 1 và lò tinh luyện số 1, hệ thống băng tải, hệ thống xử lý phế liệu, lưu lượng khoảng 1.000.000 m³/giờ. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: bụi, CO, CO₂, SO₂, NO₂, Dioxin/Furan.

- Bụi, khí thải phát sinh từ cụm lò hồ quang số 2, lò tinh luyện số 2, hệ thống băng tải, hệ thống xử lý phế liệu và lò khử khí chân không, lưu lượng khoảng 1.000.000 m³/giờ. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: bụi, CO, SO₂, NO₂, Dioxin/Furan.

3.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

3.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị:

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng phát sinh khoảng 300 kg/ngày.

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh khoảng 152.000 tấn có thành phần gồm gỗ palet, gỗ thải; sắt thép hỏng thải; bao bì, nilong, giấy bìa thải; gạch, đá thải.

3.3.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 800 kg/ngày.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 230.023,5 tấn/năm, bao gồm:

+ Đất, cát lẫn trong phế liệu khoảng 12 tấn/năm.

+ Tạp chất phi kim (nhựa, gỗ,...) khoảng 1,4 tấn/năm.

+ Xi lò luyện thép (gồm cả vật liệu chịu lửa tường lò) khoảng 200.000 tấn/năm.

+ Vảy thép khoảng 30.000 tấn/năm.

+ Bao bì chứa đựng nguyên liệu khoảng 10 tấn/năm.

+ Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt khoảng 0,1 tấn/năm.

3.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

3.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị:

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 15 kg/ngày, thành phần chủ yếu gồm: dầu thải, giẻ lau và găng tay dính dầu, thùng đựng sơn thải, pin và ắc quy thải.

3.4.2. Giai đoạn vận hành:

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 235.652 kg/tháng, thành phần chủ yếu gồm: Chất thải lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát; bụi có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải; chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm các thành phần nguy hại; bao bì, bao bì kim loại cứng chứa thành phần nguy hại; các loại pin, ắc quy thải; than hoạt tính thải lẫn bụi lò, túi vải thải; bùn thải lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát.

3.5. Tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị: Phát sinh từ việc vận hành máy móc thi công.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển và hoạt động của các loại máy móc, thiết bị sản xuất.

3.6. Các tác động khác:

3.6.1. Giai đoạn thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị:

Trong giai đoạn thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị Dự án còn có tác

động tới đời sống kinh tế - xã hội của người dân do thu hồi khoảng 78,59% đất nuôi trồng thủy sản và khoảng 20,41% đất mặt nước kênh mương.

3.6.2. Giai đoạn vận hành:

Trong giai đoạn hoạt động, Dự án còn có tác động do nhiệt dư tại một số công đoạn phát sinh nhiệt.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường trong các giai đoạn thực hiện của Dự án:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

4.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị:

- Nước mưa chảy tràn: Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa và hố lắng để thu gom, lắng lọc toàn bộ nước mưa chảy tràn trong khu vực Dự án trước khi chảy ra sông Đáy.

Quy trình: Nước mưa → song chắn rác → hố lắng → mương thoát nước tạm thời → thoát ra Sông Đáy.

- Nước thải sinh hoạt: bố trí nhà vệ sinh di động (số lượng phù hợp) tại các khu vực thi công; hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

Quy trình: Nước thải sinh hoạt → nhà vệ sinh di động → thu gom, xử lý theo quy định.

- Nước thải xây dựng được thu gom vào 01 hố lắng thể tích khoảng 01 m³ để lắng cặn trước khi tái sử dụng rửa bánh xe trên công trường và làm ẩm vật liệu xây dựng.

Quy trình: Nước thải xây dựng → Thu gom, hố lắng → Tái sử dụng.

4.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại, sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 110 m³/ngày đêm để tiếp tục xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A trước khi tuần hoàn tái sử dụng.

Quy trình: Nước thải sinh hoạt → Bể thu gom → Bể điều hòa → 02 Bể lắng sơ cấp → 02 Bể sinh học hiếu khí → 02 Bể lắng sinh học → Bể chứa trung gian → Bể lọc sinh học tự rửa → Thiết bị khử trùng UV → Tuần hoàn tái sử dụng.

- Xây dựng hệ thống rãnh thu gom có hố ga để thu gom lắng lọc toàn bộ nước mưa chảy tràn của Dự án trước khi chảy ra sông Đáy.

Quy trình: Nước mưa → song chắn rác → hố ga → mương nắp đan bê tông, xây gạch, đáy bê tông → thoát ra công tròn → thoát ra 02 cửa xả gồm:

+ Cửa xả số 1: có tọa độ: X: 2205509.5431; Y : 563855.8439

+ Cửa xả số 2: có tọa độ: X: 2207204.1143; Y : 563401.3559

(Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105,5°, múi chiều 3').

- Toàn bộ nước làm mát (làm mát gián tiếp, trực tiếp và nước làm mát kín được bơm về 02 trạm xử lý nước làm mát, công suất 10.250 m³/giờ/hệ thống để xử lý tuần hoàn và tái sử dụng, không thải ra ngoài môi trường, cụ thể như sau:

+ Nước làm mát gián tiếp → 04 tháp giải nhiệt, tổng lưu lượng 7.109 m³/giờ → bể chứa nước, dung tích 800 m³ → tuần hoàn tái sử dụng.

+ Nước làm mát trực tiếp → Hồ thang 1, dung tích 100 m³ → Hồ thang 2, dung tích 130 m³ → Hồ thang 3, dung tích 220 m³ → 04 Bình lọc, lưu lượng 3.120 m³/giờ → 04 tháp giải nhiệt, tổng lưu lượng 3.116 m³/giờ → Bể chứa nước dung tích 250 m³ → tuần hoàn tái sử dụng.

+ Nước làm mát kín → 03 bộ thiết bị trao đổi nhiệt, tổng lưu lượng 245 m³/giờ → Bể chứa nước dung tích 250 m³ → tuần hoàn tái sử dụng.

4.1.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

- Chủ dự án có trách nhiệm vận hành trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 110 m³/ngày đêm xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A trước khi tuần hoàn tái sử dụng, không thải ra môi trường.

- Thu gom, xử lý nước thải xây dựng, nước làm mát trước khi tuần hoàn tái sử dụng toàn bộ, không thải ra ngoài môi trường dưới mọi hình thức.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải:

4.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị:

- Yêu cầu các đơn vị tham gia thi công thực hiện các biện pháp tổ chức thi công phù hợp, xây dựng nội quy đối với công nhân và nhà thầu thi công tuân thủ các quy định về an toàn, bảo vệ môi trường.

- Sử dụng phương tiện, máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, thiết bị.

4.2.2. Giai đoạn vận hành:

- Đối với bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển: Sử dụng phương tiện, máy móc được đăng kiểm; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, thiết bị.

- Đối với bụi công đoạn phân loại phế liệu: Lắp đặt các vòi phun sương phù hợp tại các vị trí thực hiện tháo dỡ phế liệu.

- Đối với bụi, khí thải từ quá trình luyện thép: Lắp đặt 02 hệ thống xử lý khí thải công suất là 1.000.000 m³/giờ/hệ thống để thu gom, xử lý khí thải đối

với các cụm lò hồ quang, lò tinh luyện và lò khử khí chân không, quy trình công nghệ cụ thể như sau:

+ Bụi, khí thải từ cụm lò hồ quang số 1 và lò tinh luyện số 1 → Các chụp hút được gắn trực tiếp tại các vị trí phát sinh bụi, khí thải (lò hồ quang, lò tinh luyện, hệ thống băng tải nạp phế, hệ thống xử lý phế liệu) → Ống dẫn (buồng lắng, tháp giải nhiệt) → Hệ thống khử Dioxin/furan → Hệ thống lọc bụi gió xoáy → Hệ thống lọc bụi túi vải → Quạt hút công suất 1.000.000 m³/giờ → Ống khói 1 (chiều cao khoảng 47 m, đường kính khoảng 6 m).

+ Bụi, khí thải từ cụm lò hồ quang số 2 và lò tinh luyện số 2, lò khử khí chân không → Các chụp hút được gắn trực tiếp tại các vị trí phát sinh bụi, khí thải (lò hồ quang, lò tinh luyện, hệ thống băng tải nạp phế, hệ thống xử lý nguyên liệu và lò khử khí chân không) → Ống dẫn (buồng lắng, tháp giải nhiệt) → Hệ thống khử Dioxin/furan → Hệ thống lọc bụi gió xoáy → Hệ thống lọc bụi túi vải → Quạt hút công suất 1.000.000 m³/giờ → Ống khói 2 (chiều cao khoảng 47 m, đường kính khoảng 6 m).

4.2.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đạt QCVN 51:2017/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất thép, cột A3 với các hệ số $K_p = 0,8$; $K_v = 1,0$.

- Lắp đặt và vận hành hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục với các thông số: Lưu lượng, áp suất, nhiệt độ, bụi, CO, SO₂, NO_x, O₂ cho 02 hệ thống xử lý khí thải và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn:

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị:

- Bố trí các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy để thu gom, phân loại tại nguồn toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh; hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng: Được thu gom, tập kết tại bãi thải tạm bố trí phía Nam của Dự án có diện tích khoảng 200 m² và hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.3.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng chuyên dụng đặt tại khu vực văn phòng, khu vực nhà ăn, phân xưởng sản xuất; hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh được tập kết về kho lưu chứa có diện tích khoảng 105 m², hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Đối với xỉ lò được tập kết tại kho có diện tích khoảng 510 m² để xử lý thu lại thép vụn, các thành phần thải được thu gom, hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

Quy định áp dụng: Thu gom chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (sau đây viết tắt là Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT).

4.4. Công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại:

4.4.1. Giai đoạn thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị:

Toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng được thu gom về kho chứa tạm thời có diện tích khoảng 100 m²; hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.4.2. Giai đoạn vận hành:

- Các loại chất thải nguy hại phát sinh được lưu giữ tại kho chứa chất thải nguy hại có diện tích khoảng 105 m²; hợp đồng với đơn vị có đầy đủ năng lực và chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh được lưu chứa trong các thùng chứa riêng biệt, có dán nhãn cảnh báo và mã chất thải nguy hại theo quy định.

Quy định áp dụng: Thu gom chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

4.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

4.5.1. Giai đoạn thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị:

Chỉ sử dụng các phương tiện, thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động.

4.5.2. Giai đoạn vận hành:

- Đảm bảo chất lượng thiết bị thi công theo tiêu chuẩn.
- Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế thiết bị hỏng hóc, hao mòn.
- Tuân thủ thời gian làm việc theo quy định.

- Sử dụng dây chuyền thiết bị hiện đại và đồng bộ, thực hiện kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ máy móc thiết bị đảm bảo điều kiện hoạt động tốt nhất.

- Lắp đệm cao su chống ồn, chống rung tại các thiết bị phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn.

- Trồng cây xanh tại các khu vực thích hợp để giảm thiểu bụi, tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất tới môi trường xung quanh.

- Sử dụng vật liệu cách âm, bố trí khu vực văn phòng làm việc của nhân viên đảm bảo hạn chế tối đa tác động của tiếng ồn.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.6. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.6.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất, tác động của nhiệt dư:

- Có biện pháp, kế hoạch hỗ trợ, ổn định sản xuất, tạo công ăn việc làm ổn định cho người dân, đồng thời tổ chức hướng nghiệp để có thể tuyển dụng vào làm việc tại dự án, đặc biệt là các hộ dân bị ảnh hưởng trực tiếp.

- Lắp đặt các tấm cách nhiệt khu vực phát sinh nhiệt dư và hệ thống quạt thông gió khu vực nhà xưởng.

- Trồng cây xanh cách ly và các vị trí thích hợp nhằm tạo cảnh quan và giảm thiểu bụi, tiếng ồn xung quanh khu vực Dự án, dự kiến diện tích cây xanh của Dự án khoảng 98.340 m², chiếm khoảng 22% tổng diện tích Dự án.

4.6.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý bụi và khí thải:

- Lắp đặt van xả áp tự động và ống thải by-pass cho các nguồn khí thải để xả tắt khi hệ thống gặp sự cố. Van xả áp tự động và ống thải by-pass phải được quản lý chặt chẽ theo quy định của pháp luật.

- + Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom và xử lý khí thải. Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý khí thải; giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý khí thải của Nhà máy.

- + Lắp đặt hai hệ thống quan trắc tự động, liên tục các thông số: Nhiệt độ, lưu lượng, áp suất, O₂, bụi, NO_x, SO₂, CO tại vị trí hai (02) ống khói để kiểm soát chất lượng bụi, khí thải trước khi xả ra môi trường.

- + Khi các hệ thống xử lý khí thải của các dây chuyền, thiết bị sản xuất gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải sau xử lý không đạt yêu cầu theo quy định thì phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường không khí và thực hiện các biện pháp

khắc phục, xử lý. Chỉ được phép tiếp tục sản xuất khi hệ thống xử lý khí thải đã khắc phục và đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:

+ Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị của trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 110 m³/ngày đêm. Trong trường hợp sự cố hệ thống xử lý nước thải, tiến hành tạm dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra. Sau khi khắc phục xong, chủ dự án tiếp tục hoạt động đảm bảo nước thải được xử lý đạt quy chuẩn theo quy định.

+ Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tại Nhà máy.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều ô lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ và sự cố rò rỉ. Các ô lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo đúng quy định.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy:

Trang bị các phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy, ngăn cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án phòng cháy và chữa cháy được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn quy định về phòng cháy và chữa cháy.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong các giai đoạn thực hiện:

Chủ dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị:

5.1.1. Chương trình giám sát chất lượng nước mặt:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm xả nước mưa chảy tràn ra Sông Đáy.
- Thông số giám sát: TSS, dầu mỡ khoáng.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, cột B.

5.1.2. Chương trình giám sát không khí, tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí giám sát (ngoài khu vực Dự án): 02 vị trí (01 vị trí gần cổng vào khu vực Dự án và 01 vị trí gần khu vực thi công cuối hướng gió).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Thông số giám sát: Bụi tổng, NO_x, SO₂, và CO, tiếng ồn, độ rung.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.1.3. Chương trình giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.
- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

5.2. Giai đoạn vận hành:

5.2.1. Chương trình giám sát nước thải:

- Giám sát định kỳ:
 - Vị trí giám sát: 1 điểm tại đầu ra của trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 110 m³/ngày đêm (trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước của khu vực).
 - Thông số giám sát: pH, TSS, COD, BOD₅, NH₄⁺, Tổng N, Tổng P, tổng chất rắn hoà tan, Sunfua, tổng dầu mỡ khoáng, Coliforms.
 - Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
 - Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A.

5.2.2. Giám sát chất lượng nước mặt:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí nước mặt tại Sông Đáy, đoạn chảy qua khu vực Dự án.
- Thông số giám sát: TSS, dầu mỡ khoáng.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt, cột B.

5.2.3. Chương trình giám sát bụi, khí thải:

- Giám sát tự động, liên tục:
 - + Vị trí giám sát: 02 vị trí (01 vị trí tại ống khói 1 và 01 vị trí tại ống khói 2).
 - + Thông số giám sát: Lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, O₂, bụi, SO₂, NO_x, CO.

+ Tần suất: liên tục.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 51:2017/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất thép, bảng 3, cột A3 với các hệ số $K_p = 0,8$ và $K_v = 1,0$.

- Giám sát định kỳ:

+ Vị trí giám sát: 02 vị trí (01 vị trí tại ống khói 1 và 01 vị trí tại ống khói 2).

+ Thông số giám sát: Sb, VOC, Cd, Cu, Pb, Zn, Ni, Cr, tổng Dioxin/Furan.

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần đối với các thông số Sb, VOC, Cd, Cu, Pb, Zn, Cr và 01 năm/lần đối với thông số tổng Dioxin/Furan.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 51:2017/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất thép, bảng 3, cột A3 với các hệ số $K_p = 0,8$ và $K_v = 1,0$.

5.2.4. Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

5.2.5. Môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí giám sát (nằm ngoài khu vực Dự án): 02 vị trí (01 vị trí gần cổng vào khu vực Dự án và 01 vị trí gần khu vực Dự án, cuối hướng gió).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: Bụi tổng, NO_x , SO_2 , và CO, tiếng ồn, độ rung.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Chủ dự án có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

- Chủ dự án chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các thông tin trong nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường, chỉ được triển khai xây dựng Dự án khi đã hoàn thiện các thủ tục về chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất, đền bù, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Công khai rộng rãi cho chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư biết về các hoạt động thi công của Dự án; thiết lập hệ thống biển báo, cấm mốc giới khu vực thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng.

- Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ khối lượng chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và xây dựng các hạng mục, công trình của Dự án.

- Sử dụng công nghệ, thiết bị sản xuất theo tiêu chuẩn các nước G7/Châu Âu (EU); công nghệ xử lý môi trường phải đảm bảo tiên tiến, hiện đại theo đúng cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công, xây dựng và vận hành Dự án.

- Thực hiện các tiêu chí về môi trường trong sản xuất thép, hạn chế ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường sinh thái theo đúng cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, đảm bảo khoảng cách ly an toàn từ Dự án đến khu dân cư theo đúng quy định của QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng. Đảm bảo khoảng cách về môi trường theo pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ và các quy phạm kỹ thuật trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Quản lý bùn thải từ hệ xử lý nước làm mát, từ hệ thống lắng, lọc nước mưa chảy tràn theo quy định của pháp luật.

- Đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.

- Xây dựng và thực hiện nghiêm túc kế hoạch phòng ngừa và ứng cứu sự cố môi trường trong suốt giai đoạn xây dựng và vận hành Dự án theo quy định của pháp luật.

- Hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục phải có camera theo dõi, được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng và truyền dữ liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định theo quy định.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định trong quá trình thực hiện Dự án và bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện nghiêm túc chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

- Đảm bảo kinh phí để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường.

- Đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Chỉ được sử dụng loại than làm phụ gia (được phun vào lò hồ quang làm tăng nhiệt lượng) với hàm lượng lưu huỳnh trong than không được phép lớn hơn 0,75% đối với than cục và không được phép lớn hơn 0,5% đối với loại than khác; lượng than sử dụng không được vượt quá 25 kg/tấn kim loại lỏng.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất đối với Dự án theo lộ trình và nghiên cứu thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường được quy định tại Điều 53 và Điều 130 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường./.